TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2017/DSPT
Ngày: 27/7/2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung
Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca .
Bà Trần Thị Thúy Hồng.

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hồng Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Huỳnh Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2017/TLPT - DS, ngày 01/06/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B , tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2017/QĐPT-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1939 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Chiệu là anh Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1962 (giấy ủy quyền được chứng thực ngày 11/07/2017).

Cùng địa chỉ: tổ 03, khóm 4, phường C V, thị xã B , tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1969

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lý Tống T, sinh năm: 1961.

2. Lý Trường Th, sinh năm: 1994 (có đơn xin vắng mặt)

3. Lý Phúc T, sinh năm: 2001 (có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Lý Phúc T là chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lý Tống T .

Tất cả cùng địa chỉ: tổ 03, khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ủy ban nhân dân thị xã B.

*Người đại diện theo pháp luật:*Ông Nguyễn Hữu P – Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh C – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B (Theo giấy ủy quyền số: 08/GUQ-UBND ngày 05/8/2016 - có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ch là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Ch và người đại diện Nguyễn Tấn C trình bày như sau :

Nguồn gốc phần đất diện tích 73,9m^2 thuộc thửa số 9, loại đất vườn, tọa lạc tổ 03, khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là của ông Nguyễn Văn X và vợ là Nguyễn Thị Ch. Ngày 12/02/1996 ông X lập "Tờ sang nhượng đất" với nội dung sang nhượng cho ông Nguyễn Hữu T (là cha của chị Nguyễn Thị Thùy T), diện tích đất chiều ngang 4,5m, chiều dài 12m bằng 54m^2 với giá 10 chỉ vàng 24K. Hai bên thỏa thuận, khi nào ông T được cấp quyền sử dụng đất diện tích 54m^2 thì phần đường đi phía trước được giữ nguyên, trong đó phần diện tích 54m^2 thuộc một phần thửa số 9, còn phần đường đi là phần còn lại của thửa số 9 diện tích 19,9m^2. Năm 2003 ông X chết nên bà Ch làm thủ tục nhận thừa kế phần đất diện tích 73,9m^2 thuộc thửa số 9 nêu trên.

Đến năm 2004 bà Chiệu lập thủ tục chuyển nhượng phần đất diện tích 73,9m^2 thuộc thửa số 9 cho chị T theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/9/2004. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng này là chưa phù hợp với "Tờ sang nhượng đất" ngày 12/02/1996 chỉ chuyển nhượng 54m^2, chênh lệch 19,9m^2. Do bà Ch tuổi đã cao, không biết chữ, nên bà Ch cho rằng đã bị chị T lừa dối bà Ch điểm chỉ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/9/2004, chị T cũng chưa trả tiền chuyển nhượng đối với diện tích 19,9m^2. Phần diện tích này là lối đi duy nhất từ nhà bà Ch ra ngoài lộ chính nhưng chị T lại chiếm sử dụng riêng, chị T có làm tờ cam kết ngày 14/8/2005 có nội dung cho bà Ch sử dụng làm lối đi nhưng sau đó lại tiếp tục chiếm đất gây cản trở việc đi lại của bà.

Bà Ch khởi kiện yêu cầu công nhận bà Ch được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 17,3m^2 thuộc chiết thửa 9-1 và 9-2 ; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp cho hộ Nguyễn Thị Thùy T tại thửa số 9. Đối với phần nhà của chị T và anh T lấn chiếm phải tháo dỡ trả đất.

-Tại bảng khai ý kiến và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 73,9m^2 thuộc thửa số 9 là của ông Nguyễn Văn X. Ngày 12/02/1996 ông Xuân lập giấy tay sang nhượng đất cho cha của chị là ông Nguyễn Hữu T với giá 10 chỉ vàng 24K. Tại tờ sang nhượng có nội dung bán đất từ mé sông phía trước chạy dài tới mé mương sau, thỏa thuận đường đi phía trước vẫn giữ nguyên không được rào chắn. Năm 1999 chị T cất nhà ông X vẫn còn sống. Đến năm 2002 ông X chết, bà Ch thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do cha chị T mua đất dùm chị nên năm 2004 bà Chiệu lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 9 cho chị T. Khi chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Ch không tranh chấp. Nay chị T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lý Tống T, Lý Trường T, Lý Phúc T thống nhất ý kiến của chị T. Ngày 10/3/2017 anh Lý Trường T và anh Lý Phúc T có bảng tự khai xin vắng mặt tại phiên tòa các cấp.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã B có ý kiến việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Ch với chị T là tranh chấp giữa những người sử dụng đất với nhau đã được Tòa án thụ lý do Tòa án giải quyết. Sau khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh thực hiện theo quy định của pháp luật. Ngày 25/8/2016 ông Bùi Minh C đại diện cho Ủy ban nhân dân thị xã B có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên xử của tòa án các cấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 166, khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 690, 696, 705 của Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 3, Điều 8 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 34, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 9-1, diện tích 16,9m^2 và tách thửa 9-2, diện tích 0,4m^2 (cả hai phần đất có diện tích 17,3m^2) thuộc một phần thửa số 9 loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T572793, số vào sổ 4820 QSDĐ/281-QĐ.UB ngày 12/11/2004 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp cho hộ Nguyễn Thị Thùy T tại thửa số 9 và yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T, anh Lý Tống T tháo dỡ một phần căn nhà diện tích 1,8m^2 và công trình phụ 7m^2 trả đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lý Tống T về việc dành diện tích 17,3m^2 thuộc thửa số 9 loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long làm lối đi chung trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Ch.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản, về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2017 và ngày 27/04/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Buộc chị T phải trả lại cho bà Ch phần đất có diện tích 17,3m^2 thuộc thửa số 9, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và công nhận phần đất này thuộc quyền sử dụng của bà Ch.

-Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh C đại diện cho bà Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo .

Chị T và anh T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Ch, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn như sau :

Năm 2004 do chị T lấn chiếm lối đi nên bà Ch yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, chị T đồng ý để phần đất 17,3m^2 làm lối đi chung nên lối đi này không thuộc của riêng ai, sau đó chị T lại cản trở bà Ch trong việc sử dụng lối đi. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phần đất 17,3m^2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T mà phải cấp quyền sử dụng đất cho bà Ch. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy T. Đối với phần nhà của chị T và anh T lấn chiếm trên phần đất 17,3m^2 phải tháo dỡ trả đất.

- Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ch.

+ Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Miễn án phí phúc thẩm cho bà Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 21/12/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bình Minh xác định phần đất tranh chấp giữa bà Ch và chị T có diện tích 16,9m^2 thuộc tách thửa 9-1, diện tích 0,4m^2 thuộc tách thửa 9-2, tổng cộng là 17,3m^2, diện tích chung theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 73,9 m^2 loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do hộ Nguyễn Thị Thùy T đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà Ch cho rằng ngày 12/02/1996 chồng bà là ông Nguyễn Văn X lập "Tờ sang nhượng đất" chỉ sang nhượng cho cha của chị T là ông Nguyễn Hữu T diện tích đất chiều ngang 4,5m, chiều dài 12m bằng 54m^2 với giá 10 chỉ vàng 24K. Còn phần phía trước là phần đất tranh chấp diện tích 17,3m^2 ông X không sang nhượng mà giữa ông X và ông T thỏa thuận làm lối đi chung.

Tuy nhiên, trong "Tờ sang nhượng đất" có thêm nội dung "*từ mé sông trước chạy dài tới mé mương sau…Khi ông T được quyền sử dụng đất nêu trên, thì đường đi phía trước đều giữ nguyên không được thay đổi*".

Theo hiện trạng thực tế phần đất 73,9 m^2 thuộc thửa số 9 có vị trí: hướng Bắc giáp với Rạch (tức là mé sông) và phần hướng Nam giáp với mương (tức là mương sau). Sau đó các bên lại thỏa thuận khi ông T được quyền sử dụng đất nêu trên thì đường đi phía trước giữ nguyên không được thay đổi. Như vậy, với nội dung thỏa thuận và vị trí thực tế thể hiện ông X chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông T nên khi ông T có quyền sử dụng đất thì đường đi giữ nguyên không thay đổi.

Năm 2002 ông X chết, bà Ch lập thủ tục thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/6/2004 tại thửa số 9, diện tích 73,9m^2 loại đất vườn và sau đó được chuyển mục đích sử dụng thành đất ở đô thị theo Quyết

định số: 1862/QĐ.CT-UB ngày 15/9/2004 của Ủy ban nhân dân huyện B. Đến ngày 10/8/2004 bà Ch lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 9 cho chị T và được Ủy ban nhân dân thị trấn C V chứng thực ngày 20/9/2004 là để hợp thức hóa việc sang nhượng đất từ năm 1996 giữa ông Xuân và ông T. Phía bà Ch cho rằng khi lập hợp đồng chuyển nhượng tuổi đã cao, không biết chữ, có sự lừa dối nên đã điểm chỉ vào hợp đồng, nhưng bà Ch không cung cấp được chứng cứ chứng minh khi điểm chỉ không nhận thức được nội dung của hợp đồng hoặc có sự lừa dối dẫn đến việc bà điểm chỉ không phù hợp với ý chí. Việc bà Ch lập thủ tục chuyển nhượng toàn bộ thửa số 9 cho chị T cũng phù hợp với thỏa thuận giữa ông X và ông T theo "Tờ sang nhượng đất ngày 12/02/1996." Trong quá trình sử dụng đất chị T, anh T đã xây dựng nhà từ năm 1999 nhưng ông X khi đó còn sống và bà Ch không tranh chấp hay ngăn cản.

Do vậy bản án sơ thẩm xác định ông X sang nhượng đất cho ông T và sau này bà Ch lập thủ tục chuyển nhượng thửa số 9 cho chị T là trọn thửa mà không có việc chừa lại phần đất tranh chấp 17,3m^2 là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Ch buộc chị Trang phải trả lại cho bà Ch phần có diện tích 17,3m^2 thuộc thửa số 9, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và công nhận phần đất 17,3m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Ch.

[2]Trên phần đất 17,3m^2 có một phần căn nhà và vật kiến trúc của chị T bao gồm: 7.0 m^2 công trình phụ là phần mái hiên khung sắt, lợp tole; 1,8 m^2 phần nhà dạng độc lập, móng cột khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường nhưng cấp sơ thẩm chưa ghi nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T và anh Tđồng ý cho bà C sử dụng phần đất 17,3m^2 làm lối đi nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm là giữ nguyên hiện trạng phần nhà và vật kiến trúc của chị T nằm trên phần đất 17,3m^2 .

Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Ch không phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Ch thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản, về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị nên không phải xem xét.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Ch. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 14/04/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 26, Điều 166, khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 688, 692, 697 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 3, Điều 8; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5, Điều 34, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

-Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất 17,3m^2 (trong đó diện tích 16,9m^2 thuộc tách thửa 9-1 và 0,4 m^2 và tách thửa 9-2) , diện tích chung 73,9 m ^{2} thuộc thửa số 9, loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long;

-Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T572793, số vào sổ 4820 QSDĐ/281-QĐ.UB ngày 12/11/2004 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp cho hộ Nguyễn Thị Thùy T tại thửa số 9;

-Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T, anh Lý Tống T tháo dỡ một phần căn nhà diện tích 1,8m^2 và công trình phụ 7m^2 nằm trên phần đất có diện tích 17,3m^2 (trong đó diện tích 16,9m^2 thuộc tách thửa 9-1 và 0,4 m^2 và tách thửa 9-2) , diện tích chung 73,9 m^2 thuộc thửa số 9, loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long;

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lý Tống T về việc dành phần đất có diện tích 17,3m^2 (trong đó diện tích 16,9m^2 thuộc tách thửa 9-1 và 0,4 m^2 và tách thửa 9-2) , diện tích chung 73,9 m^2 thuộc thửa số 9, loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long làm lối đi cho hộ bà Nguyễn Thị Ch.

- Phần đất 17,3m^2 có vị trí theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 21/12/2016 của Phòng tài nguyên và môi trường thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Giữ nguyên hiện trạng một phần căn nhà và vật kiến trúc của chị Nguyễn Thị Thùy T bao gồm: 7.0 m^2 công trình phụ là phần mái hiên khung sắt, lợp tole; 1,8m^2 phần nhà dạng độc lập, móng cột khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường nằm trên phần đất có diện tích 17,3m^2 (trong đó diện tích 16,9m^2 thuộc tách thửa 9-1 và 0,4 m^2 và tách thửa 9-2), diện tích chung 73,9 m^2 thuộc thửa số 9, loại đất ở đô thị, tọa lạc khóm 4, phường C V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản, về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTối Cao : 01;
- VKSNDTỉnh Vĩnh Long : 02;
- Tổ Nghiệp Vụ : 01;
- TAND thị xã B: 01;
- Chi cục THADS thị xã B 01;
- Đ/s: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 08.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Dung